TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 488/2024/DS-ST
Ngày 22-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Ông Lại Hữu Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 331/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 311/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trụ sở: Số 266 – 268, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Gia T; địa chỉ: Số 278, đường N, phường Võ T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 12/12/2023) (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn P (vắng mặt).

Địa chỉ: E5/24, ấp A, xã Vĩnh L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2023 và lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Gia T thì:

Ngày 23/4/2020, ông Bùi Văn P ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi chung là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/4/2020). Căn cứ vào thu nhập của ông Phúc, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã đồng ý cấp cho ông P thẻ tín dụng Visa số 472074-1749 với hạn mức sử dụng là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S), Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông P không có thiện chí trả nợ nên ngày 23/11/2020 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông P và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 28.306.794đ (hai mươi tám triệu ba trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng) sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) và áp dụng lãi suất nợ quá hạn tính trên nợ gốc – số nợ quá hạn nêu trên (bằng 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn 2.6%) là 3.9%/tháng. Tính đến ngày 22/7/2024, ông P còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản sau: Nợ gốc là 28.306.794đ (hai mươi tám triệu ba trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 49.237.062đ (bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi hai đồng), tổng cộng là 77.543.856đ (bảy mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng).

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông P phải thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền còn thiếu của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/4/2020 tính đến ngày 22/7/2024 là 77.543.856đ (bảy mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng), gồm nợ gốc là 28.306.794đ (hai mươi tám triệu ba trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 49.237.062đ (bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi hai đồng) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/7/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi quy định tại Hợp đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chỉ yêu cầu cá nhân ông P có trách nhiệm thanh toán tiền sử dụng thẻ còn nợ theo Hợp

đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/4/2020, ngoài ra không yêu cầu ai khác có trách nhiệm thanh toán khoản nợ nêu trên.

Bị đơn – ông Bùi Văn P đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Theo kết quả xác minh của Công an xã Vĩnh L, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 193/TAHBC ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú thì ông Bùi Văn P có đăng ký thường trú và thực tế cư trú tại E5/24, ấp A, xã Vĩnh L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Gia T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Ông.

Bị đơn – ông Bùi Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 196; khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Về án phí: Ông P phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn P trả số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/4/2020. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/4/2020 và kết quả xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 193/TAHBC ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú thì ông P cư trú tại E5/24, ấp A, xã Vĩnh L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều

35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Gia T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn – ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc:

[3.1.1] Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/4/2020 (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/4/2020, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) có chữ ký xác nhận của ông Bùi Văn P và đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có cơ sở xác định ngày 23/4/2020 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã cấp thẻ tín dụng cho ông P với hạn mức sử dụng là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), mục đích để tiêu dùng cá nhân. Việc giao kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/4/2020 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông P là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đã phát sinh hiệu lực.

[3.1.2] Căn cứ Bảng tóm tắt sao kê ngày 22/7/2024 thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông P đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 22/7/2024 với tổng số tiền là 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), phí trễ hạn là 760.341đ (bảy trăm sáu mươi nghìn ba trăm bốn mươi mốt đồng), lãi là 53.730.813đ (năm mươi ba triệu bảy trăm ba mươi nghìn tám trăm mười ba đồng), phí là 552.702đ (năm trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm lẻ hai đồng). Ông P đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 21 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S lần lượt là: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/11/2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông P và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 28.306.794đ (hai mươi tám triệu ba trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng) sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc ông P có

trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc còn lại là 28.306.794đ (hai mươi tám triệu ba trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng).

[3.2] Về yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi: Căn cứ Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam; mục 1.24 phần giải thích thuật ngữ và Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì mức lãi suất trong hạn được áp dụng đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/4/2020 là 2.6%/tháng. Mục 1.24 phần giải thích thuật ngữ và Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định lãi suất quá hạn là 150% lãi suất được áp dụng, tương đương 3.9%/tháng (2.6%/tháng x 150%). Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chuyển số nợ gốc chưa thanh toán là 28.306.794đ (hai mươi tám triệu ba trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng) sang nợ quá hạn từ ngày 23/11/2020, áp dụng mức lãi suất 3.9%/tháng được tính trên số nợ gốc tương ứng với thời gian vi phạm nghĩa vụ tính đến ngày 22/7/2024 là 49.237.062đ (bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi hai đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.3] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S xác định chỉ yêu cầu ông P có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với ông P thực hiện nghĩa vụ dân sự nêu trên. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông P đã sử dụng số tiền vay để phục vụ nhu cầu cá nhân nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của ông Phúc.

[4] Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc ông P có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/4/2020 tính đến ngày 22/7/2024 là 77.543.856đ (bảy mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng), gồm nợ gốc là 28.306.794đ (hai mươi tám triệu ba trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 49.237.062đ (bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi hai đồng) và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/7/2024 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nên ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.877.193đ (ba triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm chín mươi ba đồng); Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Bùi Văn P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền còn nợ phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/4/2020 tính đến ngày 22/7/2024 là 77.543.856đ (bảy mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng), trong đó, nợ gốc là 28.306.794đ (hai mươi tám triệu ba trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng) và lãi quá hạn là 49.237.062đ (bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi hai đồng).

Kể từ ngày 23/7/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Bùi Văn P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.877.193đ (ba triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm chín mươi ba đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.728.842đ (một triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0033062

ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (03);
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyễn Thanh Thùy